TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-10-2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hiệp

2. Ông Huỳnh Bình

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 3, xã M, huyện N, tỉnh P.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1987;

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã O, huyện P, tỉnh Q.

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 3, xã M, huyện N, tỉnh P.

(Chị T, anh Đ có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã O, huyện P, tỉnh Q và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 069/2015 quyển số 1/2015 cấp

ngày 17/9/2015. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không còn thương yêu, lo lắng, chăm sóc cho nhau và gia đình, dẫn đến quan điểm không đồng nhất, nhiều lần anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhằm cứu vãn hôn nhân nhưng không có kết quả. Vì vậy đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 07/8/2015. Hiện nay con chung đang sống chung với chị. Nếu ly hôn chị xin được nuôi con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu chỉ xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang ở chung với bố mẹ ruột, giúp việc cho gia đình buôn bán, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng, cộng với tiền cha mẹ cho nên đủ điều kiện nuôi con. Còn anh Đ làm nghề lái xe cho công ty thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng, nhưng không có chỗ ở ổn định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân đúng như chị T khai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bỏ vốn làm ăn, buôn bán nhưng thua lỗ, mắc nợ. Bên cạnh đó quan hệ giữa anh với gia đình vợ không có sự hòa hợp vì gia đình anh sống chung với gia đình bố mẹ vợ từ đó anh quyết định chuyển ra ngoài thuê nhà ở, còn vợ con anh vẫn sống chung với bố mẹ vợ. Trong quá trình đó vợ chồng xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống và thiếu thốn về tiền bạc. Từ đó anh chán nản nên thỉnh thoảng qua nhà người em ở tỉnh Bình Dương chơi nhiều ngày không về nhà. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương hòa giải vì anh chị không yêu cầu. Nhưng vợ chồng cũng đã tự hoà giải và gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng cũng không hằn gắn được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị ít quan tâm và không chăm sóc gì cho nhau. Nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Tại phiên tòa, anh Đ thay đổi ý kiến: Do chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh cũng đã cố gắng hàn gắn, đoàn tụ, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị T vẫn không muốn đoàn tụ nên anh đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 07/8/2015. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Ly hôn chị T xin được nuôi con chung và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng anh không đồng ý. Anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề lái xe cho

công ty thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở tại công ty nơi anh làm việc. Còn chị T đang ở với bố mẹ ruột chị T, có phụ bố mẹ buôn bán ngày được trả công 300.000 đồng nếu không phụ làm sẽ không được trả công nên thu nhập không ổn định. Ngoài ra chị T còn phải nuôi 01 con riêng với người chồng trước nên không thể nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự: Chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh Đ. Tại phiên tòa anh Đ cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ. Về quan hệ con chung: Anh Đ chị T có 1 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 07/8/2015. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Do đương sự đã thuận tình ly hôn nên đề nghị giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T có điều kiện nuôi con hơn anh Đ. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn; tranh chấp về nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Nguyễn Tấn Đ đồng ý thuận tình ly hôn; xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ. Còn về quan hệ con chung tiếp tục giải quyết theo quy định.

- Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Tấn Đ, nơi cư trú: Tổ 2, Ấp 3, xã M, huyện N, tỉnh P. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Trần Thị Thùy T là nguyên đơn, anh Nguyễn Tấn Đ là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân xét thấy: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Tấn Đ kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã O, huyện P, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 069/2015, quyển số 01/2015 ngày 17/9/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng không thương yêu, chăm sóc cho nhau và gia đình, nhiều lần anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhằm cứu vãn hôn nhân nhưng không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Còn đối với anh Đ cho rằng: Trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng làm ăn thua lỗ từ đó phát sinh nợ nần. Mặt khác, quan hệ giữa anh với gia đình vợ không có sự hòa hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống và thiếu thốn về tiền bạc. Vợ chồng đã tự hoà giải và gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng cũng không hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị ít quan tâm và không chăm sóc gì cho nhau. Nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân có sự bất đồng quan điểm sống, ít có sự thông cảm, chia sẻ, thiếu hiểu cho nhau nên trong việc làm ăn cũng không suôn sẻ, hay xung đột, cải vã nhau. Từ đó anh Đ, chị T rạn nứt tình cảm. Anh Đ và gia đình vợ cũng xảy ra bất đồng dẫn đến anh Đ, chị T đã ly thân nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay. Hiện nay chị T và anh Đ xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

- Về con chung: Chị T và anh Đ thống nhất thừa nhận có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 07/8/2015. Hiện nay con chung đang sống chung với chị T. Nếu ly hôn chị T xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T đang phụ gia đình buôn bán thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở chung với bố mẹ ruột và được bố mẹ ruột hỗ trợ nên đủ điều kiện nuôi con. Còn ý kiến của anh Đ nếu ly hôn anh cũng xin nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng

nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề lái xe thu nhập khoảng 9.000.000 đồng, ở trọ và ở tại công ty nơi anh làm việc.

Xét thấy: Việc giao cháu Y cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục dựa trên quyền lợi của cháu, để cháu phải được phát triển bình thường cả về tinh thần lẫn thể chất hiện tại và trong tương lai. Về điều kiện nuôi cháu Y: Căn cứ lời trình bày và các chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp thì cả anh Đ và chị T đều có đủ điều kiện nuôi con nhưng chị T có đủ điều kiện hơn do đang ở với bố mẹ ruột, có thu nhập ổn định. Mặt khác, Cháu Y là con gái. Từ khi sinh ra cho đến nay cháu Y vẫn ở với chị T tại xã M, huyện N, vẫn được đi học và phát triển bình thường về tâm thần, lẫn thể chất. Còn anh Đ đang làm việc và sinh sống tại xã M, huyện P có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Y. Để không làm thay đổi môi trường sống, học tập của cháu Y, cần giao cháu Nguyễn Ngọc Như Y cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thùy T chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004749 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Tấn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Tất Đ có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 07/8/2015. Hiện nay con chung đang do chị Trần Thị Thùy T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 07/8/2015 cho chị Trần Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn Tấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tấn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004749 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Trần Thị Thùy T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã O, H.P (01);
- Đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn